

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 14 – 6 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Tâm

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Thuận Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/HSST-QĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1967 tại Campuchia; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Đinh Thị N (chết); Có vợ Phạm Kim H và 02 con.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2017 đến nay. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/1990, Phạm Văn T cùng Nguyễn Văn N, Phạm Văn C, Phạm Văn Đ và một người tên L bàn bạc với nhau thống nhất cùng đi trộm cắp tài sản. Khoảng 24 giờ cùng ngày, T cùng đồng bọn lên vào nhà ông

Nguyễn Văn C tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trộm được 01 máy cassette hiệu Tosibar. N đem máy đi bán được 200.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Đến khoảng tháng 4/1990, T, N, C và Đ cùng đi đến khu vực Trà Óp thuộc địa phận Campuchia trộm 01 con bò sau đó dẫn về xã T, huyện T làm thịt bán được 220.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh có quyết định khởi tố vụ án ngày 30/6/1990, khởi tố đối với bị can Phạm Văn T ngày 01/01/1991. Do bị can T bỏ trốn, ngày 02/01/1991 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh có quyết định truy nã bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

Ngoài hai lần trộm cắp nêu trên, T, N, C và một số đối tượng khác còn thực hiện ba vụ cướp tài sản khác; T và N thực hiện một vụ trộm bò. Ngày 10/7/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án, tuyên bố Nguyễn Văn N, Phạm Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản đối với ba hành vi nêu trên, xử phạt N 04 năm tù và C 02 năm tù. Đồng thời, bản án còn xử lý hình sự các bị cáo có liên quan về tội Cướp tài sản công dân, tuyên về N vụ bồi thường và xử lý vật chứng trong vụ án.

Ngày 28/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyết định số 01/QĐ-VKS-P3 đình chỉ vụ án đối với Phạm Văn T về “Cướp tài sản công dân” do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P3 ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về vật chứng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã giải quyết xong tại Bản án số 77/HSST ngày 10/7/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa:

Bị cáo nghĩ là hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu nhưng bị cáo không biết hành vi đó là vi phạm pháp luật, mặt khác do tức giận việc bị cáo làm công cho ông C nhiều năm nhưng ông C không trả công nên bị cáo mới dẫn các đồng phạm đến trộm máy Cassette của ông C về bán chia nhau tiêu xài. riêng bị cáo không hưởng lợi. Sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo sang Campuchia sinh sống, không biết có lệnh truy nã và không biết năm 1991 các đồng phạm bị xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố và các vấn đề đã nêu tại Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù, không xử phạt bổ sung. Về vật chứng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã giải quyết xong tại Bản án số 77/HSST ngày 10/7/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Lời nói cuối cùng của bị cáo: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo xác nhận có cùng các đồng phạm Nguyễn Văn N, Phạm Văn C và Phạm Văn Đ trộm cắp tài sản 02 (hai) lần nhưng khi đó bị cáo không ý thức được đó là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng không biết có lệnh truy nã của cơ quan điều tra nên không ra đầu thú. Tuy nhiên căn cứ vào nội dung lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đồng phạm là N và C, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các căn cứ khác đã được khẳng định tại bản án số 77/HSST ngày 10/7/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/1990 đến tháng 4/1990, bị cáo Phạm Văn T cùng với Nguyễn Văn N, Phạm Văn C là em ruột của bị cáo, Phạm Văn Đ và một đối tượng không rõ lai lịch 02 (hai) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, 03 (ba) lần thực hiện hành vi cướp tài sản. Cụ thể, lần đầu trộm của ông Nguyễn Văn C 01 máy cassette, lần thứ hai trộm trên địa phận Campuchia một con bò đem về Việt Nam bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trước khi thực hiện hành vi, bị cáo T và những đối tượng khác có sự bàn bạc trước, câu kết chặt chẽ với nhau trong suốt quá trình thực hiện tội phạm. Trong đó, N là người tổ chức, bị cáo là người tham gia thực hiện tội phạm.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản của công dân” với tình tiết định khung là phạm tội có tổ chức, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1985 với khung hình phạt từ 02 (hai) đến 15 (mười lăm) năm tù. Căn cứ Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, có cơ sở chấp nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 (hai) đến 07 (bảy) năm tù.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng. Tại phiên tòa bị cáo khai thời gian phạm tội đã quá lâu nên bị cáo nghĩ cáo trạng truy tố bị cáo là đúng nhưng cho rằng khi thực hiện hành vi bị cáo không ý thức được việc làm của

mình là vi phạm pháp luật, hơn nữa bị cáo đã thống nhất với các đồng phạm là dù có mang súng, rựa và gậy nhưng chỉ lấy tài sản, không làm bị thương người khác. Xét thấy khi phạm tội bị cáo đã thành niên có ý thức đầy đủ về hành vi, bị cáo và đồng phạm để tránh bị phát hiện đã chủ động che mặt, bản thân bị cáo còn là người trực tiếp giữ súng khi thực hiện tội phạm, sau khi bị phát hiện đã trốn tránh sự truy cứu của pháp luật hơn 26 năm không đầu thú. Vì vậy việc bị cáo cho rằng không biết hành vi của mình đã vi phạm pháp luật là không có cơ sở chấp nhận, thể hiện bị cáo chưa ăn năn hối cải. Bị cáo vì mục đích tư lợi, ích kỷ vì muốn có tiền tiêu xài nên đã cùng đồng phạm tổ chức thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia, trộm cắp tài sản của công dân và người nước ngoài, có ý thức xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến quan hệ của người dân tại khu vực biên giới nên cần xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình phục hồi điều tra và tại phiên tòa, tuy bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải nhưng bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, thành khẩn khai báo. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Vật chứng và N vụ bồi thường thiệt hại: Đã xử lý xong tại bản án số 77/HSST ngày 10/7/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nên không tiếp tục xem xét.

[6] Đối với hành vi cướp tài sản: Các đối tượng khác đã bị xử lý tại bản án số 77/HSST ngày 10/7/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên hồ sơ vụ án đã bị tiêu hủy theo quyết định số 138/QĐ ngày 21/7/2003 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kết quả trích lục hồ sơ lưu trữ tại Công an tỉnh Tây Ninh hiện nay chỉ có Quyết định khởi tố và truy nã Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản của công dân, không có quyết định truy nã về tội cướp tài sản của công dân. Căn cứ theo khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Hình sự thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T về tội Cướp tài sản của công dân đã hết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo về tội Cướp tài sản là phù hợp với quy định tại các Điều 157 và 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Do bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2017.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Cơ sở giam giữ bị cáo;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân